



ĐK: 386

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KIỂM ĐỊNH HIỆU CHUẨN ĐO LƯỜNG MIỀN TRUNG

Địa chỉ: 223/32 Trường Chinh - Phường An Khê - Thành phố Đà Nẵng.
Email: kiemdinhmientrung1@gmail.com * ĐT: 0236.654.8449 - 096.750.7974

GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN CALIBRATION CERTIFICATE

Số: 546E.26/ĐLMT

Tên đối tượng: *Máy thử độ bền kéo, nén, uốn*
Object:

Kiểu: *Điện Tử (Model: WE-1000B)*
Type:

Số: 1540

Serial No:

Nơi sản xuất: *Trung Quốc*
Manufacturer:

Năm: N/A

Year:

Đặc trưng kỹ thuật:
Specifications: - Phạm vi đo: $(0 \div 1000)$ kN
- Vạch chia: 0,5 kN, 1 kN, 2 kN

Đơn vị sử dụng: **CÔNG TY TNHH KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG LONG THUẬN**
User:

Địa chỉ: *Tổ dân phố 14, phường Ninh Hòa, tỉnh Khánh Hòa*
Add:

Phương pháp thực hiện: *ĐLVN 109:2002*
Method of verification:

Thiết bị sử dụng: *Lực kế chuẩn 3000 kN; U= 0,05% (k=2, P=95%)*
Standards used: *(Chuẩn được liên kết chuẩn Viện đo lường VN – VMI)*

Kết quả: *Xem trang sau*
Conclusion:

Số tem: *HC-23897*
Stamp No:

Ngày hiệu chuẩn đến: (*) *Ngày 28 tháng 02 năm 2027*
Calibration until:

Đà Nẵng, ngày 27 tháng 02 năm 2026

Date of issue

Giám Đốc

Director

Người thực hiện
Implementer

Mai Tân Hùng



Nguyễn Thành Tân

Trang 1

No of page 1

Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý
bằng văn bản Công Ty Cổ Phần Dịch Vụ Kiểm Định Hiệu Chuẩn
Đo Lường Miền Trung

KẾT QUẢ HIỆU CHUẨN

CALIBRATION RESULTS

Kèm theo giấy CN số/ *Enclose the result sheet with number N^o: 540E-26/DLM*

Đặc trưng kỹ thuật và kết quả/ *Technical specifications and Results*



Giá trị đọc trên phương tiện đo (kN)	Giá trị đọc trên phương tiện chuẩn (kN)	Độ KĐBĐ mô rộng: $k=2, P=95\%$
<i>Phạm vi đo: (0 ÷ 200) kN</i>		
40	41,27	0,74
60	61,16	1,43
80	81,39	0,66
100	100,96	0,70
120	121,37	0,59
140	141,72	0,74
160	161,86	0,50
180	181,77	0,64
<i>Phương trình hiệu chuẩn: $Y=1.0099x + 0.251$</i>		
<i>Phạm vi đo: (0 ÷ 500) kN</i>		
50	50,29	1,24
100	100,37	1,02
150	151,01	0,51
200	201,17	0,50
250	251,23	0,50
300	301,34	0,50
350	351,45	0,50
400	401,66	0,50
450	451,90	0,50
<i>Phương trình hiệu chuẩn: $Y=1.0043x + 0.0729$</i>		
<i>Phạm vi đo: (0 ÷ 1000) kN</i>		
100	99,73	1,47
200	200,42	0,60
300	300,53	0,50
400	400,72	0,50
500	500,96	0,50
600	601,04	0,50
700	701,72	0,50
800	801,65	0,50
900	901,78	0,50
<i>Phương trình hiệu chuẩn: $Y=1.0022x - 0.1123$</i>		

Trong đó: Y là giá trị tính toán kN; x là giá trị đọc trên phương tiện đo

- Phương tiện đo này không được sử dụng để định lượng hàng hóa, dịch vụ trong mua bán, thanh toán, bảo đảm an toàn, bảo vệ sức khỏe cộng đồng, bảo vệ môi trường, trong thanh tra, kiểm tra, giám định tư pháp và trong hoạt động công vụ khác (This measuring instrument is not used to quantify goods and services in purchase and sale, payment, safety assurance, public health protection, environmental protection, inspection, inspection and private assessment, law and in other official activities).

- Phương tiện đo này không được sử dụng trực tiếp để kiểm định phương tiện đo nhóm 2 (This measuring instrument is not directly used to verify the measuring instrument of group 2)



DK: 386

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KIỂM ĐỊNH HIỆU CHUẨN ĐO LƯỜNG MIỀN TRUNG

Địa chỉ: 223/32 Trường Chinh - Phường An Khê - Thành phố Đà Nẵng.
Email: kiemdinhmientrung1@gmail.com * ĐT: 0236.654.8449 - 096.750.7974

GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN CALIBRATION CERTIFICATE

Số: 547E.26/ĐLMT

Tên đối tượng: *Máy thử độ bền nén*
Object:

Kiểu: *Điện Tử (Model: TYA-2000)*
Type:

Nơi sản xuất: *Trung Quốc*
Manufacturer:

Đặc trưng kỹ thuật:
Specifications: - Phạm vi đo: $(0 \div 2000) \text{ kN}$
- Vạch chia: $0,01 \text{ kN}$

Số: *90426*
Serial No:
Năm: *N/A*
Year:

Đơn vị sử dụng: **CÔNG TY TNHH KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG LONG THUẬN**
User:

Địa chỉ: *Tổ dân phố 14, phường Ninh Hòa, tỉnh Khánh Hòa*
Add:

Phương pháp thực hiện: *ĐLVN 109:2002*
Method of verification:

Thiết bị sử dụng: *Lực kế chuẩn 3000 kN; U= 0,05% (k=2,P=95%)*
Standards used: *(Chuẩn được liên kết chuẩn Viện đo lường VN – VMI)*

Kết quả: *Xem trang sau*
Conclusion:

Số tem: *HC-23898*
Stamp N°:

Ngày hiệu chuẩn đến: (*) *Ngày 28 tháng 02 năm 2027*
Calibration until:

Đà Nẵng, ngày 27 tháng 02 năm 2026
Date of issue

Người thực hiện
Implementer

Giám Đốc
Director



Mai Tấn Hùng

Nguyễn Thành Tân

Trang 1

No of page 1

Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản Công Ty Cổ Phần Dịch Vụ Kiểm Định Hiệu Chuẩn
Đo Lường Miền Trung

KẾT QUẢ HIỆU CHUẨN

CALIBRATION RESULTS

Kèm theo giấy CN số/ *Enclose the result sheet with number* **547E-26/DLMT**
Đặc trưng kỹ thuật và kết quả/ Technical specifications and results



Giá trị đọc trên phương tiện đo (kN)	Giá trị đọc trên phương tiện chuẩn (kN)	Độ KĐBD mở rộng: k = 2; P = 95%
200	199,6	0,23
400	398,2	0,76
600	598,0	0,23
800	797,9	0,65
1000	997,7	0,34
1200	1197,7	0,29
1400	1397,5	0,43
1600	1597,0	0,55
1800	1796,8	0,72

Phương trình hiệu chuẩn: $y = 0.9983x - 0.4108$

Trong đó: y là giá trị lực Chuẩn, kN

x là giá trị đọc trên phương tiện đo kN

Với độ tin cậy P = 95%, hệ số phủ k = 2

- Phương tiện đo này không được sử dụng để định lượng hàng hóa, dịch vụ trong mua bán, thanh toán, bảo đảm an toàn, bảo vệ sức khỏe cộng đồng, bảo vệ môi trường, trong thanh tra, kiểm tra, giám định tư pháp và trong hoạt động công vụ khác (This measuring instrument is not used to quantify goods and services in purchase and sale, payment, safety assurance, public health protection, environmental protection, inspection, inspection and private assessment, law and in other official activities).
- Phương tiện đo này không được sử dụng trực tiếp để kiểm định phương tiện đo nhóm 2 (This measuring instrument is not directly used to verify the measuring instrument of group 2)



ĐK: 386

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KIỂM ĐỊNH HIỆU CHUẨN ĐO LƯỜNG MIỀN TRUNG

Địa chỉ: 223/32 Trường Chinh - Phường An Khê - Thành phố Đà Nẵng.
Email: kiemdinhmientrung1@gmail.com * ĐT: 0236.654.8449 - 096.750.7974

GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN CALIBRATION CERTIFICATE

Số: 548E.26/DLMT

Tên đối tượng: *Máy thử độ bền nén*

Object:

Kiểu: *Điện Tử (Model: TYA-2000)*

Type:

Nơi sản xuất: *Senxin - Trung Quốc*

Manufacturer:

Đặc trưng kỹ thuật:

Specifications:

- Phạm vi đo: $(0 \div 2000)$ kN
- Vạch chia: 0,01 kN

Số: 1807914

Serial No:

Năm: N/A

Year:

Đơn vị sử dụng: **CÔNG TY TNHH KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG LONG THUẬN**

User:

Địa chỉ: *Tổ dân phố 14, phường Ninh Hòa, tỉnh Khánh Hòa*

Add:

Phương pháp thực hiện: *ĐLVN 109:2002*

Method of verification:

Thiết bị sử dụng:

Standards used:

Lực kế chuẩn 3000 kN; $U = 0,05\%$ ($k=2, P=95\%$)

(Chuẩn được liên kết chuẩn Viện đo lường VN – VMI)

Kết quả:

Conclusion:

Xem trang sau

Số tem:

Stamp N°:

HC-23899

Ngày hiệu chuẩn đến: (*) Ngày 28 tháng 02 năm 2027

Calibration until:

Đà Nẵng, ngày 27 tháng 02 năm 2026

Date of issue

Người thực hiện

Implementer

Giám Đốc

Director

Mai Tấn Hùng

Nguyễn Thành Tân



Trang 1

No of page 1

Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản Công Ty Cổ Phần Dịch Vụ Kiểm Định Hiệu Chuẩn Đo Lường Miền Trung

KẾT QUẢ HIỆU CHUẨN

CALIBRATION RESULTS

Kèm theo giấy CN số/ *Enclose the result sheet with number* **№: 548E.26/DLMT**
Đặc trưng kỹ thuật và kết quả/ Technical specifications and results



Giá trị đọc trên phương tiện đo (kN)	Giá trị đọc trên phương tiện chuẩn (kN)	Độ KĐBĐ mở rộng: k = 2; P = 95%
200	199,7	0.43
400	399,1	0.32
600	599,0	0.54
800	798,3	0.23
1000	998,0	0.29
1200	1197,3	0.36
1400	1397,0	0.47
1600	1596,5	0.22
1800	1796,2	0.31

Phương trình hiệu chuẩn: $y = 0.9978x + 0.0649$

Trong đó: y là giá trị lực Chuẩn, kN

x là giá trị đọc trên phương tiện đo kN

Với độ tin cậy P = 95%, hệ số phủ k = 2

- Phương tiện đo này không được sử dụng để định lượng hàng hóa, dịch vụ trong mua bán, thanh toán, bảo đảm an toàn, bảo vệ sức khỏe cộng đồng, bảo vệ môi trường, trong thanh tra, kiểm tra, giám định tư pháp và trong hoạt động công vụ khác (*This measuring instrument is not used to quantify goods and services in purchase and sale, payment, safety assurance, public health protection, environmental protection, inspection, inspection and private assessment, law and in other official activities.*)
- Phương tiện đo này không được sử dụng trực tiếp để kiểm định phương tiện đo nhóm 2 (*This measuring instrument is not directly used to verify the measuring instrument of group 2*)



ĐK: 386

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KIỂM ĐỊNH HIỆU CHUẨN ĐO LƯỜNG MIỀN TRUNG

Địa chỉ: 223/32 Trường Chinh - Phường An Khê - Thành phố Đà Nẵng.
Email: kiemdinhmientrung1@gmail.com * ĐT: 0236.654.8449 - 096.750.7974

GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN CALIBRATION CERTIFICATE

Số: 549E.25/ĐLMT

Tên đối tượng: *Tủ sấy*

Object:

Kiểu: *HN101*

Type:

Số: *753P*

Serial No:

Nơi sản xuất: *Trung Quốc*

Manufacturer:

Năm: *N/A*

Year:

Đặc trưng kỹ thuật đo lường:

Specifications:

- Phạm vi đo: *Max 300 °C*

- Vạch chia: *1 °C*

Đơn vị sử dụng: **CÔNG TY TNHH KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG LONG THUẬN**

User:

Địa chỉ: *Tổ dân phố 14, phường Ninh Hòa, tỉnh Khánh Hòa*

Add:

Phương pháp thực hiện: *ĐLMT 138.2/2018*

Method of Calibration:

Thiết bị được sử dụng: *Bộ nhiệt đa kênh, lò chuẩn nhiệt, cảm biến nhiệt độ chuẩn*

Standards used:

Kết quả:

Xem trang sau

Results:

Số tem:

HC-23900

Stamp N°:

Ngày hiệu chuẩn đến : (*) *Ngày 28 tháng 02 năm 2027*

Calibration until:

Đà Nẵng, ngày 27 tháng 02 năm 2026

Date of issue

Người thực hiện

Implementer

Giám Đốc

Director



Mai Tấn Hùng

Nguyễn Thành Tân

Trang 1

No of page 1

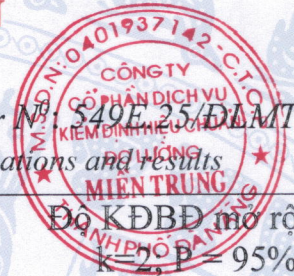
Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý
bằng văn bản Công Ty Cổ Phần Dịch Vụ Kiểm Định Hiệu Chuẩn
Đo Lường Miền Trung

KẾT QUẢ HIỆU CHUẨN

CALIBRATION RESULTS

Kèm theo giấy CN số/ *Enclose the result sheet with number* N^o: 549E.25/ĐLMT

Đặc trưng kỹ thuật và kết quả/ *Technical specifications and results*



TT	Giá trị đọc trên phương tiện đo (°C)	Giá trị đọc trên thiết bị hiệu chuẩn (°C)	Độ lệch (°C)	Độ KĐĐ mở rộng: k=2, P=95% 3,25
1	50	50,5	0,5	
2	100	101,0	1,0	
3	150	151,2	1,2	
4	200	201,7	1,7	
5	250	252,0	2,0	

Điều kiện môi trường:

Nhiệt độ/ *Temperature*: (28) °C

Environmental conditions:

Độ ẩm/ *Relative humidity*: (69) %RH

- Phương tiện đo này không được sử dụng để định lượng hàng hóa, dịch vụ trong mua bán, thanh toán, bảo đảm an toàn, bảo vệ sức khỏe cộng đồng, bảo vệ môi trường, trong thanh tra, kiểm tra, giám định tư pháp và trong hoạt động công vụ khác (*This measuring instrument is not used to quantify goods and services in purchase and sale, payment, safety assurance, public health protection, environmental protection, inspection, inspection and private assessment, law and in other official activities*).
- Phương tiện đo này không được sử dụng trực tiếp để kiểm định phương tiện đo nhóm 2 (*This measuring instrument is not directly used to verify the measuring instrument of group 2*)



ĐK: 386

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KIỂM ĐỊNH HIỆU CHUẨN ĐO LƯỜNG MIỀN TRUNG

Địa chỉ: 223/32 Trường Chinh - Phường An Khê - Thành phố Đà Nẵng.
Email: kiemdinhmientrung1@gmail.com * ĐT: 0236.654.8449 - 096.750.7974

GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN CALIBRATION CERTIFICATE

Số: 550E.26/ĐLMT

Tên đối tượng: *Cân kỹ thuật*

Object:

Kiểu: *Điện tử (Model: PA 4102)*

Type:

Số: *B002152205*

Serial No:

Nơi sản xuất: *OHAUS*

Manufacturer:

Năm: *N/A*

Year:

Đặc trưng kỹ thuật đo lường:

Specifications:

- *Max = 4100 g, min = 2 g*

- *Vạch chia: $d = 0,01$ g*

- *Cấp chính xác III*

Đơn vị sử dụng: **CÔNG TY TNHH KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG LONG THUẬN**

User:

Địa chỉ: *Tổ dân phố 14, phường Ninh Hòa, tỉnh Khánh Hòa*

Add:

Phương pháp thực hiện: *ĐLMT 16.2/2018*

Method of calibration:

Thiết bị sử dụng:

Standards used:

Bộ quả cân chuẩn cấp chính xác F_1

Kết quả:

result:

Xem trang sau

Số tem:

Stamp N^o:

HC-23901

Ngày hiệu chuẩn đến (*) *Ngày 28 tháng 02 năm 2027*

Calibration until:

Đà Nẵng, ngày 27 tháng 02 năm 2026

Date of issue

Người thực hiện

Implementer

Giám Đốc

Director

Mai Tấn Hùng

Nguyễn Thành Tân

Trang 1

No of page 1

Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý
bằng văn bản Công Ty Cổ Phần Dịch Vụ Kiểm Định Hiệu Chuẩn
Đo Lường Miền Trung



KẾT QUẢ HIỆU CHUẨN

CALIBRATION RESULTS

Kèm theo giấy CN số/ *Enclose the result sheet with number N° 550E-06/DMT*

Đặc trưng kỹ thuật và kết quả/ *Technical specifications and results*



TT	Giá trị quả cân (g)	Giá trị đọc trên phương tiện đo (g)	Độ lệch (g)	Độ KĐBD mở rộng: K=2; P=95%
1	100	100,00	-	
2	500	500,00	-	
3	1000	1000,00	-	
4	2000	2000,00	-	2,98
5	3000	3001,26	1,26	
6	4000	4001,48	1,48	

Điều kiện môi trường: Nhiệt độ/ *Temperature*: (28) °C

Environmental conditions: Độ ẩm/ *Relative humidity*: (69) %RH

- Phương tiện đo này không được sử dụng để định lượng hàng hóa, dịch vụ trong mua bán, thanh toán, bảo đảm an toàn, bảo vệ sức khỏe cộng đồng, bảo vệ môi trường, trong thanh tra, kiểm tra, giám định tư pháp và trong hoạt động công vụ khác (*This measuring instrument is not used to quantify goods and services in purchase and sale, payment, safety assurance, public health protection, environmental protection, inspection, inspection and private assessment, law and in other official activities.*)
- Phương tiện đo này không được sử dụng trực tiếp để kiểm định phương tiện đo nhóm 2 (*This measuring instrument is not directly used to verify the measuring instrument of group 2*)

Trang 2

No of page 2

Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản Công Ty Cổ Phần Dịch Vụ Kiểm Định Hiệu Chuẩn
Do Lương Miền Trung



ĐK: 386

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KIỂM ĐỊNH HIỆU CHUẨN ĐO LƯỜNG MIỀN TRUNG

Địa chỉ: 223/32 Trường Chinh - Phường An Khê - Thành phố Đà Nẵng.
Email: kiemdinhmientrung1@gmail.com * ĐT: 0236.654.8449 - 096.750.7974

GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN CALIBRATION CERTIFICATE

Số: 554E.26/ĐLMT

Tên đối tượng: *Phương tiện đo lực (Vòng lực máy CBR)*
Object:

Kiểu: *CBR-2* Số: *02879*
Type: Serial No:

Nơi sản xuất: *Trung Quốc* Năm: *N/A*
Manufacturer: Year:

Đặc trưng kỹ thuật: - Phạm vi đo : *(0 - 60) kN*
Specifications: - Đồng hồ so : *(0 ÷ 10) mm; Vạch chia: 0,01 mm*

Đơn vị sử dụng: **CÔNG TY TNHH KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG LONG THUẬN**
User :

Địa chỉ: *Tổ dân phố 14, phường Ninh Hoà, tỉnh Khánh Hoà*
Add:

Phương pháp thực hiện: *ĐLVN : 108:2002*
Method of verification:

Thiết bị được sử dụng : *Lực kế (0-100 kN), U= 0,05% ,(k=2,P=95%)*
Standards used: *(Chuẩn được liên kết chuẩn Viện đo lường VN - VMI)*

Kết quả: *Xem trang Sau*
Conclusion:

Số tem: *HC-25024*
Stamp N°:

Ngày hiệu chuẩn đến (*) Ngày *28 tháng 02 năm 2027*
Calibration until:

Đà Nẵng, ngày 27 tháng 02 năm 2026
Date of issue

Giám Đốc
Director

Người thực hiện
Implementer

Mai Tấn Hùng

Nguyễn Thành Tân



KẾT QUẢ HIỆU CHUẨN

CALIBRATION RESULTS

Kèm theo giấy CN số/ Enclose the result sheet with number N^o: 5542.76/ĐL-MT

Đặc trưng kỹ thuật và kết quả/ Technical specifications and results

Giá trị đọc trên phương tiện đo (vạch /mm)	Giá trị trung bình đọc trên chuẩn (kN)	Độ KĐBD mở rộng: k = 2; P = 95%
25	6,532	0,34
50	13,236	0,15
75	20,088	0,21
100	26,852	0,33
125	33,631	0,36
150	40,412	0,21
175	47,177	0,55
200	53,952	0,45
225	60,742	0,23

Phương trình hiệu chuẩn: $y = 0,268x - 0,220$

Trong đó: y là giá trị lực chuẩn, kN

x là giá trị đọc trên phương tiện đo

Với độ tin cậy P = 95%, hệ số phủ k = 2

- Phương tiện đo này không được sử dụng để định lượng hàng hóa, dịch vụ trong mua bán, thanh toán, bảo đảm an toàn, bảo vệ sức khỏe cộng đồng, bảo vệ môi trường, trong thanh tra, kiểm tra, giám định tư pháp và trong hoạt động công vụ khác (This measuring instrument is not used to quantify goods and services in purchase and sale, payment, safety assurance, public health protection, environmental protection, inspection, inspection and private assessment, law and in other official activities).

- Phương tiện đo này không được sử dụng trực tiếp để kiểm định phương tiện đo nhóm 2 (This measuring instrument is not directly used to verify the measuring instrument of group 2)



ĐK: 386

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KIỂM ĐỊNH HIỆU CHUẨN ĐO LƯỜNG MIỀN TRUNG

Địa chỉ: 223/32 Trường Chinh - Phường An Khê - Thành phố Đà Nẵng.
Email: kiemdinhmientrung1@gmail.com * ĐT: 0236.654.8449 - 096.750.7974

GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN CALIBRATION CERTIFICATE

Số: 555E.26/ĐLMT

Tên đối tượng: *Phương tiện đo lực (Vòng lực máy đất)*

Object:

Kiểu: ZJ

Số: 15

Type:

Serial No:

Nơi sản xuất: *Trung Quốc*

Năm: N/A

Manufacturer:

Year:

Đặc trưng kỹ thuật:

- Phạm vi đo : (0 – 1,2) kN Số: 03019

Specifications:

- Đồng hồ so : (0 ÷ 10) mm; Vạch chia: 0,01 mm

Đơn vị sử dụng: **CÔNG TY TNHH KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG LONG THUẬN**

User :

Địa chỉ: *Tổ dân phố 14, phường Ninh Hoà, tỉnh Khánh Hoà*

Add:

Phương pháp thực hiện: *ĐLVN : 108:2002*

Method of verification:

Thiết bị được sử dụng : *Lực kế (0-100 kN), U= 0,05% ,(k=2,P=95%)*

Standards used: *(Chuẩn được liên kết chuẩn Viện đo lường VN - VMI)*

Kết quả: *Xem trang Sau*

Conclusion:

Số tem: *HC-25025*

Stamp N°:

Ngày hiệu chuẩn đến (*) *Ngày 28 tháng 02 năm 2027*

Calibration until:

Đà Nẵng, ngày 27 tháng 02 năm 2026

Date of issue

Giám Đốc

Director

Người thực hiện

Implementer



Mai Tấn Hùng

Nguyễn Thành Tân

Trang 1

No of page 1

Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý
bằng văn bản Công Ty Cổ Phần Dịch Vụ Kiểm Định Hiệu Chuẩn

Đo Lường Miền Trung

KẾT QUẢ HIỆU CHUẨN

CALIBRATION RESULTS



Kèm theo giấy CN số/ Enclose the result sheet with number N: 555E.26/ĐLMT
Đặc trưng kỹ thuật và kết quả/ Technical specifications and results

Giá trị đọc trên phương tiện đo (vạch /mm)	Giá trị trung bình đọc trên chuẩn (kN)	Độ KĐBD mở rộng: k = 2; P = 95%
25	0,130	0,21
50	0,264	0,54
75	0,382	0,24
100	0,521	0,32
125	0,640	0,42
150	0,768	0,57
175	0,890	0,61
200	1,022	0,29
225	1,150	0,23

Phương trình hiệu chuẩn: $y = 0,0051x + 0,0029$

Trong đó: y là giá trị lực chuẩn, kN

x là giá trị đọc trên phương tiện đo

Với độ tin cậy P = 95%, hệ số phủ k = 2

- Phương tiện đo này không được sử dụng để định lượng hàng hóa, dịch vụ trong mua bán, thanh toán, bảo đảm an toàn, bảo vệ sức khỏe cộng đồng, bảo vệ môi trường, trong thanh tra, kiểm tra, giám định tư pháp và trong hoạt động công vụ khác (This measuring instrument is not used to quantify goods and services in purchase and sale, payment, safety assurance, public health protection, environmental protection, inspection, inspection and private assessment, law and in other official activities).
- Phương tiện đo này không được sử dụng trực tiếp để kiểm định phương tiện đo nhóm 2. (This measuring instrument is not directly used to verify the measuring instrument of group 2)



ĐK: 386

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KIỂM ĐỊNH HIỆU CHUẨN ĐO LƯỜNG MIỀN TRUNG

Địa chỉ: 223/32 Trường Chinh - Phường An Khê - Thành phố Đà Nẵng.
Email: kiemdinhmientrung1@gmail.com * ĐT: 0236.654.8449 - 096.750.7974

GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN CALIBRATION CERTIFICATE

Số: 556E.26/ĐLMT

Tên đối tượng: *Máy nén tam liên*

Object:

Kiểu: *(Model: WG)*

Số: 079

Type:

Serial No:

Nơi sản xuất: *Trung Quốc*

Năm: *N/A*

Manufacturer:

Year:

Đặc trưng kỹ thuật:

- Phạm vi đo: $(0 \div 4\ 800) N$

Specifications:

- Tiết diện dao vòng $30\ cm^2$ và $50\ cm^2$

Đơn vị sử dụng: **CÔNG TY TNHH KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG LONG THUẬN**

User :

Địa chỉ: *Tổ dân phố 14, phường Ninh Hoà, tỉnh Khánh Hoà*

Add:

Phương pháp thực hiện: *ĐLVN 108:2002*

Method of verification:

Thiết bị sử dụng :

Lực kế chuẩn 100 kN; $U = 0,05\%$ ($k=2, P=95\%$)

Standards used:

Kết quả:

Xem trang sau

Results:

Số tem:

HC-25026

Stamp N°:

Ngày hiệu chuẩn đến (*) Ngày *28 tháng 02 năm 2027*

Calibration until:

Đà Nẵng, ngày 27 tháng 02 năm 2026

Date of issue

Người thực hiện

Implementer

Giám Đốc

Director

Mai Tấn Hùng

Nguyễn Thành Tân

Trang 1

No of page 1

Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý
bằng văn bản Công Ty Cổ Phần Dịch Vụ Kiểm Định Hiệu Chuẩn

Đo Lường Miền Trung

KẾT QUẢ HIỆU CHUẨN

CALIBRATION RESULTS

Kèm theo giấy CN số/ *Enclose the result sheet with number* **N^o 556E.28/ĐLMT**
Đặc trưng kỹ thuật và kết quả/ *Technical specifications and results*



Cấp tải (kPa)	Lực nén (N)	Lực đo theo từng dàn		
		Dàn số 1	Dàn số 2	Dàn số 3
Tiết diện vòng 30cm²				
12,5	37,4	36,7	36,8	36,7
25	75,0	74,4	74,3	74,5
50	150,0	148,5	148,8	148,8
100	300,0	298,5	298,3	297,9
200	600,0	597,4	597,1	597,4
300	900,0	896,2	895,2	895,9
400	1200,0	1195,8	1194,2	1195,5
Tiết diện vòng 50cm²				
12,5	62,5	62,3	62,4	62,4
25	125,0	124,6	125,2	124,7
50	250,0	250,2	249,8	249,5
100	500,0	501,3	501,2	500,3
200	1000,0	1000,3	1000,9	1000,5
300	2000,0	1999,2	2000,4	2001,0
400	4000,0	4000,2	3999,7	3998,9

Với độ không đảm bảo đo $P=95\%$, $k=2$

Điều kiện môi trường: Nhiệt độ/ *Temperature*: (28) °C

Environmental conditions: Độ ẩm/ *Relative humidity*: (69) %RH

- Phương tiện đo này không được sử dụng để định lượng hàng hóa, dịch vụ trong mua bán, thanh toán, bảo đảm an toàn, bảo vệ sức khỏe cộng đồng, bảo vệ môi trường, trong thanh tra, kiểm tra, giám định tư pháp và trong hoạt động công vụ khác (*This measuring instrument is not used to quantify goods and services in purchase and sale, payment, safety assurance, public health protection, environmental protection, inspection, inspection and private assessment, law and in other official activities*).
- Phương tiện đo này không được sử dụng trực tiếp để kiểm định phương tiện đo nhóm 2 (*This measuring instrument is not directly used to verify the measuring instrument of group 2*)



DK: 386

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KIỂM ĐỊNH HIỆU CHUẨN ĐO LƯỜNG MIỀN TRUNG

Địa chỉ: 223/32 Trường Chinh - Phường An Khê - Thành phố Đà Nẵng.
Email: kiemdinhmientrung1@gmail.com * ĐT: 0236.654.8449 - 096.750.7974

GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN CALIBRATION CERTIFICATE

Số: 557E.26/ĐLMT

Tên đối tượng: *Phương tiện đo lực (Vòng lực máy Marshall)*

Object:

Kiểu: *Ứng biến (Model: N/A)*

Type:

Số: *A5617*

Serial No:

Nơi sản xuất: *Trung Quốc*

Manufacturer:

Năm: *N/A*

Year:

Đặc trưng kỹ thuật:

Specifications:

- Phạm vi đo: *(0 - 30) kN*

- Đồng hồ so : *(0 ÷ 10) mm; Vạch chia: 0,01 mm*

Đơn vị sử dụng: **CÔNG TY TNHH KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG LONG THUẬN**

User :

Địa chỉ: *Tổ dân phố 14, phường Ninh Hoà, tỉnh Khánh Hoà*

Add:

Phương pháp thực hiện: *ĐLVN : 108:2002*

Method of verification:

Thiết bị được sử dụng : *Lực kế (0-100 kN), U= 0,05% ,(k=2,P=95%)*

Standards used: *(Chuẩn được liên kết chuẩn Viện đo lường VN - VMI)*

Kết quả:

Conclusion:

Xem trang Sau

Số tem:

Stamp N°:

HC-25027

Ngày hiệu chuẩn đến (*) *Ngày 28 tháng 02 năm 2027*

Calibration until:

Đà Nẵng, ngày 27 tháng 02 năm 2026

Date of issue

Giám Đốc

Director

Người thực hiện

Implementer

Mai Tấn Hùng

Nguyễn Thành Tân



Trang 1

No of page 1

Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý
bằng văn bản Công Ty Cổ Phần Dịch Vụ Kiểm Định Hiệu Chuẩn

Đo Lường Miền Trung

KẾT QUẢ HIỆU CHUẨN

CALIBRATION RESULTS



Kèm theo giấy CN số/ Enclose the result sheet with number N^o: 557E.20/DLMT

Đặc trưng kỹ thuật và kết quả/ Technical specifications and results

Giá trị đọc trên phương tiện đo (vạch /mm)	Giá trị trung bình đọc trên chuẩn (kN)	Độ KĐBD mở rộng: k = 2; P = 95%
25	3,066	0,77
50	6,072	0,82
75	9,068	0,66
100	12,095	0,52
125	15,094	0,44
150	18,072	0,32
175	21,144	0,65
200	24,102	0,59
225	27,088	0,70

Phương trình hiệu chuẩn: $y = 0,1204x + 0,0309$

Trong đó: y là giá trị lực chuẩn, kN

x là giá trị đọc trên phương tiện đo

Với độ tin cậy P = 95%, hệ số phủ k = 2

- Phương tiện đo này không được sử dụng để định lượng hàng hóa, dịch vụ trong mua bán, thanh toán, bảo đảm an toàn, bảo vệ sức khỏe cộng đồng, bảo vệ môi trường, trong thanh tra, kiểm tra, giám định tư pháp và trong hoạt động công vụ khác (This measuring instrument is not used to quantify goods and services in purchase and sale, payment, safety assurance, public health protection, environmental protection, inspection, inspection and private assessment, law and in other official activities).
- Phương tiện đo này không được sử dụng trực tiếp để kiểm định phương tiện đo nhóm 2 (This measuring instrument is not directly used to verify the measuring instrument of group 2)



ĐK: 386

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KIỂM ĐỊNH HIỆU CHUẨN ĐO LƯỜNG MIỀN TRUNG

Địa chỉ: 223/32 Trường Chinh - Phường An Khê - Thành phố Đà Nẵng.
Email: kiemdinhmientrung1@gmail.com * ĐT: 0236.654.8449 - 096.750.7974

GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN CALIBRATION CERTIFICATE

Số: 558E.26/ĐLMT

Tên đối tượng: *Phương tiện đo nhiệt (Máy hoá mềm nhựa đường)*
Object:

Kiểu: *Hiện số (Model: DF-10)*
Type:

Số: *1000284*
Serial No:

Nơi sản xuất: *Trung Quốc*
Manufacturer:

Năm: *N/A*
Year:

Đặc trưng kỹ thuật:
Specifications: - Phạm vi đo: *(0 ÷ 180) °C*
- Vạch chia: *1 °C*

Đơn vị sử dụng: **CÔNG TY TNHH KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG LONG THUẬN**
User:

Địa chỉ: *Tổ dân phố 14, phường Ninh Hoà, tỉnh Khánh Hoà*
Add:

Phương pháp thực hiện: *ĐLMT 138.2/2018*
Method of verification:

Thiết bị được sử dụng: *Bộ đo nhiệt đa kênh, cảm biến nhiệt độ*
Standards used:

Kết quả: *Xem trang sau*
Result:

Số tem: *HC-25028*
Stamp N°:

Ngày hiệu chuẩn đến (*) *Ngày 28 tháng 02 năm 2027*
Calibration until:

Đà Nẵng, ngày 27 tháng 02 năm 2026
Date of issue

Người thực hiện
Implementer

Giám Đốc
Director



Mai Tấn Hùng

Nguyễn Thành Tân

Trang 1

No of page 1

Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản Công Ty Cổ Phần Dịch Vụ Kiểm Định Hiệu Chuẩn Đo Lường Miền Trung

KẾT QUẢ HIỆU CHUẨN

CALIBRATION RESULTS

Kèm theo giấy CN số/ *Enclose the result sheet with number N°*

Đặc trưng kỹ thuật và kết quả/ *Technical specifications and results*



Giá trị đọc trên phương tiện đo (°C)	Giá trị đọc trên thiết bị hiệu chuẩn (°C)	Độ lệch (°C)	Độ KĐBD mở rộng: k = 2; P = 95%
100	100,4	0,4	0,4
120	120,8	0,8	
150	151,1	1,1	

Điều kiện môi trường: Nhiệt độ/ *Temperature*: (28) °C

Environmental conditions: Độ ẩm/ *Relative humidity*: (68) %RH

- Phương tiện đo này không được sử dụng để định lượng hàng hóa, dịch vụ trong mua bán, thanh toán, bảo đảm an toàn, bảo vệ sức khỏe cộng đồng, bảo vệ môi trường, trong thanh tra, kiểm tra, giám định tư pháp và trong hoạt động công vụ khác (*This measuring instrument is not used to quantify goods and services in purchase and sale, payment, safety assurance, public health protection, environmental protection, inspection, inspection and private assessment, law and in other official activities.*)
- Phương tiện đo này không được sử dụng trực tiếp để kiểm định phương tiện đo nhóm 2 (*This measuring instrument is not directly used to verify the measuring instrument of group 2*)



ĐK: 386

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KIỂM ĐỊNH HIỆU CHUẨN ĐO LƯỜNG MIỀN TRUNG

Địa chỉ: 223/32 Trường Chinh - Phường An Khê - Thành phố Đà Nẵng.
Email: kiemdinhmientrung1@gmail.com * ĐT: 0236.654.8449 - 096.750.7974

GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN CALIBRATION CERTIFICATE

Số: 559E.26/ĐLMT

Tên đối tượng: *Thiết bị thử độ kim lún Nhựa đường*

Object:

Kiểu: *LZD-2*

Type:

Nơi sản xuất: *Trung Quốc*

Manufacturer:

Đặc trưng kỹ thuật:

Specifications:

AASHTO T49

ASTM D5

Số: *0119.24*

Serial No:

Năm: *N/A*

Year:

Đơn vị sử dụng: **CÔNG TY TNHH KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG LONG THUẬN**

User :

Địa chỉ: *Tổ dân phố 14, phường Ninh Hoà, tỉnh Khánh Hoà*

Add:

Phương pháp thực hiện: *ĐLMT 40.2/2020*

Method of verification:

Thiết bị được sử dụng : *Bộ căn mẫu, cân kỹ thuật, thước cặp, panme*

Standards used:

Kết quả: *Xem trang sau*

Conclusion:

Số tem: *HC-25029*

Stamp N°:

Ngày hiệu chuẩn đến (*) Ngày *28 tháng 02 năm 2027*

Calibration until:

Đà Nẵng, ngày *27 tháng 02 năm 2026*

Date of issue

Giám Đốc

Director

Người thực hiện

Implementer

Mai Tấn Hùng



Nguyễn Thành Tân

Trang 1

No of page 1

Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản Công Ty Cổ Phần Dịch Vụ Kiểm Định Hiệu Chuẩn

Đo Lường Miền Trung

KẾT QUẢ HIỆU CHUẨN
CALIBRATION RESULTS

Kèm theo giấy CN số/ *Enclose the result sheet with number N°:* 559E26/ĐLMT

Đặc trưng kỹ thuật và kết quả/ *Technical specifications and results*



STT	Chỉ tiêu đo kiểm	Thông số	Kết quả đo	Độ KĐBĐ mở rộng: k=2; P = 95% 1,98
1	Khối lượng trục kim và kim	(50 ± 0,05) g	50,02 g	
2	Khối lượng quả tải trọng 1	(50 ± 0,05) g	50,02 g	
3	Khối lượng quả tải trọng 2	(100 ± 0,05) g	100,03 g	
4	Đường kính thân kim	(1,00 ± 1,02) mm	1,01 mm	

Điều kiện môi trường:

Nhiệt độ/ *Temperature:* (28) °C

Environmental conditions:

Độ ẩm/ *Relative humidity:* (69) %RH

- Phương tiện đo này không được sử dụng để định lượng hàng hóa, dịch vụ trong mua bán, thanh toán, bảo đảm an toàn, bảo vệ sức khỏe cộng đồng, bảo vệ môi trường, trong thanh tra, kiểm tra, giám định tư pháp và trong hoạt động công vụ khác (*This measuring instrument is not used to quantify goods and services in purchase and sale, payment, safety assurance, public health protection, environmental protection, inspection, inspection and private assessment, law and in other official activities*).

- Phương tiện đo này không được sử dụng trực tiếp để kiểm định phương tiện đo nhóm 2 (*This measuring instrument is not directly used to verify the measuring instrument of group 2*)

Trang 2

No of page 2

Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản Công Ty Cổ Phần Dịch Vụ Kiểm Định Hiệu Chuẩn Do Lương Miền Trung



ĐK: 386

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KIỂM ĐỊNH HIỆU CHUẨN ĐO LƯỜNG MIỀN TRUNG

Địa chỉ: 223/32 Trường Chinh - Phường An Khê - Thành phố Đà Nẵng.
Email: kiemdinhmientrung1@gmail.com * ĐT: 0236.654.8449 - 096.750.7974

GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN CALIBRATION CERTIFICATE

Số: 551E.26/ĐLMT

Tên đối tượng: *Cân kỹ thuật*

Object:

Kiểu: *Điện tử (Model: DJ4000TW)*

Type:

Số: 22030904

Serial No:

Nơi sản xuất: *Mỹ*

Manufacturer:

Năm: *N/A*

Year:

Đặc trưng kỹ thuật đo lường:

Specifications:

- Max = 4000 g, min = 2 g

- Vạch chia: $d = 0,01$ g

- Cấp chính xác III

Đơn vị sử dụng: **CÔNG TY TNHH KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG LONG THUẬN**

User:

Địa chỉ: *Tổ dân phố 14, phường Ninh Hòa, tỉnh Khánh Hòa*

Add:

Phương pháp thực hiện: *ĐLMT 16.2/2018*

Method of calibration:

Thiết bị sử dụng:

Standards used:

Bộ quả cân chuẩn cấp chính xác F_1

Kết quả:

result:

Xem trang sau

Số tem:

Stamp N°:

HC-23902

Ngày hiệu chuẩn đến (*) *Ngày 28 tháng 02 năm 2027*

Calibration until:

Đà Nẵng, ngày 27 tháng 02 năm 2026

Date of issue

Người thực hiện

Implementer

Giám Đốc

Director

Mai Tấn Hùng

Nguyễn Thành Tân

Trang 1

No of page 1

Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý
bằng văn bản Công Ty Cổ Phần Dịch Vụ Kiểm Định Hiệu Chuẩn

Đo Lường Miền Trung

KẾT QUẢ HIỆU CHUẨN

CALIBRATION RESULTS

Kèm theo giấy CN số/ *Enclose the result sheet with number N° 55.1E.26/ĐLMT*
Đặc trưng kỹ thuật và kết quả/ *Technical specifications and results*



TT	Giá trị quả cân (g)	Giá trị đọc trên phương tiện đo (g)	Độ lệch (g)	Độ KĐBD mở rộng: k = 2; P = 95%
1	100	100,00	-	2,76
2	500	500,00	-	
3	1000	1000,00	-	
4	2000	2000,00	-	
5	3000	3001,01	1,01	
6	4000	4001,22	1,22	

Điều kiện môi trường: Nhiệt độ/ *Temperature*: (28) °C
Environmental conditions: Độ ẩm/ *Relative humidity*: (69) %RH

- Phương tiện đo này không được sử dụng để định lượng hàng hóa, dịch vụ trong mua bán, thanh toán, bảo đảm an toàn, bảo vệ sức khỏe cộng đồng, bảo vệ môi trường, trong thanh tra, kiểm tra, giám định tư pháp và trong hoạt động công vụ khác (*This measuring instrument is not used to quantify goods and services in purchase and sale, payment, safety assurance, public health protection, environmental protection, inspection, inspection and private assessment, law and in other official activities.*)
- Phương tiện đo này không được sử dụng trực tiếp để kiểm định phương tiện đo nhóm 2 (*This measuring instrument is not directly used to verify the measuring instrument of group 2*)



ĐK: 386

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KIỂM ĐỊNH HIỆU CHUẨN ĐO LƯỜNG MIỀN TRUNG

Địa chỉ: 223/32 Trường Chinh - Phường An Khê - Thành phố Đà Nẵng.
Email: kiemdinhmientrung1@gmail.com * ĐT: 0236.654.8449 - 096.750.7974

GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN CALIBRATION CERTIFICATE

Số: 553E.26/ĐLMT

Tên đối tượng: *Cân bàn*

Object:

Kiểu: *Điện tử (Model: Vibra ALC-15)*

Type:

Nơi sản xuất: *N/A*

Manufacturer:

Đặc trưng kỹ thuật:

Specifications:

- *Max = 15 kg; min = 10 g*
- *Vạch chia: d = 0,5 g*
- *Cấp chính xác: III*

Số: *BPS24011509*

Serial No:

Năm: *N/A*

Year:

Đơn vị sử dụng: **CÔNG TY TNHH KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG LONG THUẬN**

User:

Địa chỉ: *Tổ dân phố 14, phường Ninh Hoà, tỉnh Khánh Hoà*

Add:

Phương pháp thực hiện: *ĐLMT 14.2/2018*

Method of verification:

Chuẩn được sử dụng: *Bộ quả cân chuẩn cấp chính xác F₁*

Standards used:

Kết quả: *Xem trang sau*

Conclusion:

Số tem: *HC-25023*

Stamp N°:

Ngày hiệu chuẩn đến (*) Ngày *28 tháng 02 năm 2027*

Calibration until:

Đà Nẵng, ngày *27 tháng 02 năm 2026*

Date of issue

Người thực hiện

Implementer

Giám Đốc

Director



Mai Tấn Hùng

Nguyễn Thành Tân

Trang 1

No of page 1

Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản Công Ty Cổ Phần Dịch Vụ Kiểm Định Hiệu Chuẩn

Đo Lường Miền Trung

KẾT QUẢ HIỆU CHUẨN

CALIBRATION RESULTS

Kèm theo giấy CN số/ *Enclose the result sheet with number N°: 553E-26/DIAMT*

Đặc trưng kỹ thuật và kết quả/ *Technical specifications and results*



TT	Giá trị quả cân (g)	Giá trị đọc trên phương tiện đo (g)	Độ lệch (g)	Độ KĐĐ mở rộng k=2 ; P=95%
1	500	500	-	2,75
2	1000	1000	-	
3	3000	3000	-	
4	5000	5000	-	
5	10000	10000	-	
6	15000	15000,5	0,5	

Điều kiện môi trường:

Environmental conditions:

Nhiệt độ/ *Temperature:* (28) °C

Độ ẩm/ *Relative humidity:* (69) %RH

- Phương tiện đo này không được sử dụng để định lượng hàng hóa, dịch vụ trong mua bán, thanh toán, bảo đảm an toàn, bảo vệ sức khỏe cộng đồng, bảo vệ môi trường, trong thanh tra, kiểm tra, giám định tư pháp và trong hoạt động công vụ khác (*This measuring instrument is not used to quantify goods and services in purchase and sale, payment, safety assurance, public health protection, environmental protection, inspection, inspection and private assessment, law and in other official activities.*)

- Phương tiện đo này không được sử dụng trực tiếp để kiểm định phương tiện đo nhóm 2 (*This measuring instrument is not directly used to verify the measuring instrument of group 2*)

Trang 2

No of page 2

Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản Công Ty Cổ Phần Dịch Vụ Kiểm Định Hiệu Chuẩn Do Lương Miền Trung



ĐK: 386

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KIỂM ĐỊNH HIỆU CHUẨN ĐO LƯỜNG MIỀN TRUNG

Địa chỉ: 223/32 Trường Chinh - Phường An Khê - Thành phố Đà Nẵng.
Email: kiemdinhmientrung1@gmail.com * ĐT: 0236.654.8449 - 096.750.7974

GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN CALIBRATION CERTIFICATE

Số: 552E.26/ĐLMT

Tên đối tượng: *Cân đĩa*

Object:

Kiểu: *Điện tử (Model: BC 30)*

Type:

Số: 8025300276

Serial No:

Nơi sản xuất: *Mỹ*

Manufacturer:

Năm: *N/A*

Year:

Đặc trưng kỹ thuật đo lường:

Specifications:

- *Max = 30 Kg, min = 20 g*

- *Vạch chia: $d = 1$ g*

- *Cấp chính xác III*

Đơn vị sử dụng: **CÔNG TY TNHH KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG LONG THUẬN**

User:

Địa chỉ: *Tổ dân phố 14, phường Ninh Hòa, tỉnh Khánh Hòa*

Add:

Phương pháp thực hiện: *ĐLMT 15.2/2019*

Method of calibration:

Thiết bị sử dụng:

Standards used:

Bộ quả cân chuẩn cấp chính xác F_1

Kết quả:

result:

Xem trang sau

Số tem:

Stamp N°:

HC-23895

Ngày hiệu chuẩn đến (*) *Ngày 28 tháng 02 năm 2027*

Calibration until:

Đà Nẵng, ngày 27 tháng 02 năm 2026

Date of issue

Người thực hiện

Implementer

Giám Đốc

Director



Mai Tân Hùng

Nguyễn Thành Tân

Trang 1

No of page 1

Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản Công Ty Cổ Phần Dịch Vụ Kiểm Định Hiệu Chuẩn

Đo Lường Miền Trung

KẾT QUẢ HIỆU CHUẨN

CALIBRATION RESULTS

Kèm theo giấy CN số/ *Enclose the result sheet with number N°*

Đặc trưng kỹ thuật và kết quả/ *Technical specifications and results*



TT	Giá trị quả cân (g)	Giá trị đọc trên phương tiện đo (g)	Độ lệch (g)	Độ KĐĐĐ mở rộng: k = 2; P = 95%
1	1000	1000	-	2,01
2	5000	5000	-	
3	10.000	10.002	2	
4	20.000	20.005	5	
5	25.000	25.010	10	

Điều kiện môi trường: Nhiệt độ/ *Temperature*: (28) °C

Environmental conditions: Độ ẩm/ *Relative humidity*: (69) %RH

- Phương tiện đo này không được sử dụng để định lượng hàng hóa, dịch vụ trong mua bán, thanh toán, bảo đảm an toàn, bảo vệ sức khỏe cộng đồng, bảo vệ môi trường, trong thanh tra, kiểm tra, giám định tư pháp và trong hoạt động công vụ khác (*This measuring instrument is not used to quantify goods and services in purchase and sale, payment, safety assurance, public health protection, environmental protection, inspection, inspection and private assessment, law and in other official activities*).
- Phương tiện đo này không được sử dụng trực tiếp để kiểm định phương tiện đo nhóm 2 (*This measuring instrument is not directly used to verify the measuring instrument of group 2*)



ĐK: 386

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KIỂM ĐỊNH HIỆU CHUẨN ĐO LƯỜNG MIỀN TRUNG

Địa chỉ: 223/32 Trường Chinh - Phường An Khê - Thành phố Đà Nẵng.
Email: kiemdinhmientrung1@gmail.com * ĐT: 0236.654.8449 - 096.750.7974

GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN CALIBRATION CERTIFICATE

Số: 560E.26/ĐLMT

Tên đối tượng: *Súng bột nầy*

Object:

Kiểu: *Cơ (Mode:ZC3-A)*

Type:

Nơi sản xuất: *Trung Quốc*

Manufacturer:

Đặc trưng kỹ thuật:

Specifications:

Số: *132*

Serial No:

Năm: *N/A*

Year:

- Phạm vi đo: *(10 ÷ 70) R*
- Vạch chia: *2 R*

Đơn vị sử dụng: **CÔNG TY TNHH KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG LONG THUẬN**

User :

Địa chỉ: *Tổ dân phố 14, phường Ninh Hoà, tỉnh Khánh Hoà*

Add:

Phương pháp thực hiện: *ĐLMT 150.2/2020*

Method of calibration:

Thiết bị sử dụng : *S.E06-Đe chuẩn*

Standards used:

Kết luận :

Conclusion:

1st	2nd	3rd	4th	5th	6th	7th	8th	9th	10th
80	79	80	79	81	81	82	82	80	81

Số tem:

HC-25030

Stamp N°:

Ngày hiệu chuẩn đến (*) Ngày *28 tháng 02 năm 2027*

Calibration until:

Đà Nẵng, ngày 27 tháng 02 năm 2026

Date of issue

Người thực hiện

Implementer

Giám Đốc

Director

Mai Tấn Hùng



Nguyễn Thành Tân

Trang 1

No of page 1

Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản Công Ty Cổ Phần Dịch Vụ Kiểm Định Hiệu Chuẩn

Đo Lường Miền Trung

KẾT QUẢ HIỆU CHUẨN

CALIBRATION RESULTS

Điều kiện môi trường

Nhiệt độ: (31) °C : Độ ẩm : (68) %RH

- Phương tiện đo này không được sử dụng để định lượng hàng hóa, dịch vụ trong mua bán, thanh toán, bảo đảm an toàn, bảo vệ sức khỏe cộng đồng, bảo vệ môi trường, trong thanh tra, kiểm tra, giám định tư pháp và trong hoạt động công vụ khác (This measuring instrument is not used to quantify goods and services in purchase and sale, payment, safety assurance, public health protection, environmental protection, inspection, inspection and private assessment, law and in other official activities).

- Phương tiện đo này không được sử dụng trực tiếp để kiểm định phương tiện đo nhóm 2 (This measuring instrument is not directly used to verify the measuring instrument of group 2)

Trang 2

No of page 2

Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản Công Ty Cổ Phần Dịch Vụ Kiểm Định Hiệu Chuẩn
Do Lường Miền Trung